TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2024/HC-PT
Ngày: 28/5/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường**

ông **Phạm Ngọc Thái**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh**; Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 12/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024, về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2023/HC-ST ngày 26/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 878/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Phạm Quảng N, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn X, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: số A L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Quảng N*:*

+ Ông Đinh Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: số A, L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1997; địa chỉ: số A, B, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: số A, L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thị xã Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Thị Minh C1 - Chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Thanh V - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ. Vắng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị C2, sinh năm 1962; Vắng.

2. Ông Phạm Thành D, sinh năm 1982; Vắng.

Cùng địa chỉ: thôn X, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Phạm Thị Phương M, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

4. Bà Phạm Thị Tuyết M1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại phiên tòa thể hiện:

Năm 1980 sau khi tham gia quân đội do bị tai nạn xuất ngũ về địa phương và hộ gia đình ông Phạm Quảng N được chính quyền địa phương cấp một lô đất để sinh sống và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 612, tờ bản đồ số 5, HTX N1, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 780 m^2, loại đất: T, thời hạn sử dụng: lâu dài (nay là thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, diện tích 707 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L705308 do UBND huyện Đ cấp ngày 14/3/1998).

Năm 1982, ông N xây dựng được một căn nhà trên đất nhưng do lũ lụt làm sụp đổ, đời sống lúc đó khó khăn nên ông N không đủ kinh phí để xây dựng lại căn nhà, khi đó vợ chồng anh Đoàn Ngọc Đ1 và chị Phạm Thị H thương cảnh gia đình không có chỗ ở nên cho gia đình ông N ở nhờ nhà của anh chị. Vì kinh tế khó khăn nên lúc đó ông N sử dụng thửa đất trên để trồng hoa màu trang trải cuộc sống.

Năm 1997, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) thông báo và thực hiện chủ trương cấp mới Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng ông N không biết và không được xác nhận về mục đích sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Năm 1998, hộ gia đình ông N được cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L705308 do UBND huyện Đ cấp ngày 14/3/1998, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01985 QSDĐ/185).

Vào ngày 15/11/2021, ông N đến Ủy ban nhân dân xã Đ để xin giấy phép xây dựng nhà ở đối với thửa đất nêu trên, tuy nhiên ông N nhận được thông tin không được xây dựng nhà ở vì mục đích sử dụng đất là "cây lâu năm". Nhận

thấy có sự sai sót về vấn đề mục đích sử dụng đất nên ngày 18/11/2021, ông N có gửi đơn xin sao lục hồ sơ 299, bản đồ 64 đối với thửa đất nêu trên đến Ủy ban nhân dân xã Đ thì ngày 03/12/2021 ông N nhận được Công văn sao lục hồ sơ 299, bản đồ 64, số 57/UBND của Ủy ban nhân dân xã Đ. Đến lúc này gia đình ông N mới phát hiện mục đích sử dụng của thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 705308 do UBND huyện Đ cấp ngày 14/3/1998 không giống với mục đích sử dụng của thửa đất số 612, tờ bản đồ số 5 HTX N1 mà ông N đã được cấp trước đó. Khác biệt nghiêm trọng về mục đích và thời hạn sử dụng cụ thể như sau:

Thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 705308 do UBND huyện Đ cấp ngày 14/3/1998, có mục đích sử dụng là "cây lâu năm", thời hạn sử dụng đến: "10/2047".

- Thửa đất số 612, tờ bản đồ số 5 HTX N1, diện tích: 780m^2, có loại đất: "T", thời hạn sử dụng: "lâu dài".

Căn cứ theo Quyết định số: 499QĐ/ĐC ban hành quy định mẫu sổ địa chính; sổ mục kê đất; số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số theo dõi biến động đất đai do Tổng cục địa chính ban hành ngày 27/7/1995 thì loại đất "T" được quy định cụ thể là đất có "mục đích để ở".

Nhận thấy được vấn đề nghiêm trọng trong việc cấp sai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào ngày 22/9/2022 ông N có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân thị xã Đ "Đề nghị đính chính nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Đến ngày 28/10/2022 Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Công văn số: 2289/UBND về việc kiểm tra, giải quyết, trả lời đơn của ông Phạm Quảng N, nhưng đến nay gia đình vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất L705308 ngày 14/3/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) cấp cho hộ ông Phạm Quảng N đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn 10/2047; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ xác định loại đất ở đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phạm Quảng N theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ ***trình bày:***

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Phủ Thủ tướng về Công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước do hộ ông Phạm Quảng N có sử dụng đất và được nhà nước đăng ký vào Sổ Đăng ký ruộng đất tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 05, diện tích 780m^2, loại đất T.

Thực hiện Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Hộ ông Phạm Quảng N đăng ký quyền sử dụng đất 05 thửa đất được UBND xã Đ thống nhất trình UBND huyện (nay là thị xã) Điện Bàn cấp ngày 14/3/1998 cho hộ ông tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 15, diện tích 874m^2, loại đất: Đất ở + lâu dài; thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, loại đất cây lâu năm, thời hạn sử dụng 10/2047 và 03 thửa đất nông nghiệp.

Theo hiện trạng sử dụng đất, thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, loại đất cây lâu năm, thời hạn sử dụng 10/2047, hộ ông Phạm Quảng N đang trồng cây hằng năm, không có nhà trên đất.

Căn cứ Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 Điều 11; khoản, 5, Điều 26; Điều 100 và Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 21 và Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, việc ông Phạm Quảng N yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất L705308 ngày 14/3/1998 do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho hộ ông Phạm Quảng N đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, loại đất cây lâu năm, thời hạn sử dụng 10/2047; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam và buộc UBND thị xã Đ xác định loại đất ở đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phạm Quảng N theo đúng quy định của pháp luật là không đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2023/HC-ST ngày 26/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 103, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013; Điều 21 và Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quảng N về yêu cầu:

- Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất L705308 ngày 14/3/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) cấp cho hộ ông Phạm Quảng N đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn 10/2047; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ xác định loại đất ở đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Phạm Quảng N theo đúng quy định của pháp luật

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, người khởi kiện ông Phạm Quảng N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phạm Quảng N; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Quảng N; nhận thấy:

- Theo trình bày của ông N vào năm 1980 ông được chính quyền địa phương cấp một lô đất diện tích 780 m^2 tại thửa 612, tờ bản đồ số 5 để làm nhà ở (nay là thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13); năm 1982 ông có xây dựng một ngôi nhà nhưng do lũ lụt nên sụp đổ, từ đó đến nay ông sử dụng thửa đất để trồng hoa màu, hiện trạng thửa đất hiện nay là cây hằng năm; nội dung trình bày của ông N phù hợp với hồ sơ xác nhận nguồn gốc và hiện trạng thửa đất được UBND xã Đ cung cấp cho Tòa án tại Biên bản ngày 17/3/2023 (BL 55) và Biên bản ngày 07/12/2022 (BL 52): Hiện trạng thửa đất trồng cây hàng năm, không có nhà ở từ năm 1984 đến nay.

- Theo hồ sơ 299/TTg thì ông Phạm Quảng N kê khai đăng ký thửa 251, tờ bản đồ số 05, diện tích 780m^2, loại đất "T";

- Hồ sơ theo Nghị định 64/CP thể hiện ông N kê khai 05 thửa đất; trong đó có thửa 57, tờ bản đồ số 15, diện tích 874 m^2, mục đích đất ở + đất vườn; còn thửa 634, tờ bản đồ số 13, diện tích 707m^2, loại đất LNK;

Như vậy, thửa đất 634, tờ bản đồ số 13 được kê khai theo Chỉ thị 299/TTg loại đất "T"; tuy nhiên, từ năm 1984 thửa đất không còn sử dụng vào mục đích để ở nên ông N đã kê khai lại theo hồ sơ Nghị định 64/CP loại đất trồng cây lâu năm. Do đó ,UBND thị xã Đ căn cứ theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất và hồ sơ Nghị định 64/CP và hiện trạng sử dụng đất năm 1998 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/1998 đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, diện tích 707 m^2, loại đất trồng cây lâu năm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác các thửa đất đều được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/1998, nhưng ông N không có ý kiến gì. Mặt khác, hộ gia đình ông N cũng đã được UBND huyện Đ cấp 874 m^2 đất ở + đất vườn tại thửa số 57, tờ bản đồ 17.

Với tài liệu, chứng cứ nêu trên, án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Ông N kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Quảng N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Quảng N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2023/HC-ST ngày 26/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Quảng N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào